

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025

Thực hiện Công văn số 172/SNV-CCHC&XDCQ ngày 05/3/2025 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc tổng hợp báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính quý I năm 2025, Ủy ban nhân dân thị trấn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân về cải cách hành chính huyện Phú Tân năm 2025, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 07/3/2025 về cải cách hành chính năm 2025 làm cơ sở để triển khai, tổ chức thực hiện.

Kết quả triển khai thực hiện trong quý I năm 2025, Ủy ban nhân dân thị trấn đã triển khai thực hiện trên 07 lĩnh vực với 08/44 nhiệm vụ hoàn thành (đạt tỷ lệ 18,18%) theo kế hoạch đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện, trong quý I năm 2025 Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính trên địa bàn thị trấn.

Bên cạnh, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành văn bản chấn chỉnh, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ; chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các văn bản chỉ đạo, triển khai của Ủy ban nhân dân thị trấn và Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện...

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Nhằm thực hiện tốt các giải pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nêu cao trách nhiệm, chất lượng hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nhất là việc thực hiện nghiêm giờ giấc hành chính trong những ngày đầu năm làm việc sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán; đồng thời góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của thị trấn. Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Công văn về tăng cường văn hoá công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính sau khi nghỉ Tết Nguyên

đán Ất Ty năm 2025. Qua đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn đã triển khai, thực hiện nghiêm việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, sử dụng giờ làm việc, thái độ và phong cách làm việc của cán bộ, công chức trên địa bàn.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân thị trấn chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác các chủ trương, đường lối, chính sách của tỉnh, huyện về công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ, công chức trên địa bàn thị trấn.

Đài truyền thanh thị trấn duy trì chuyên mục phát sóng định kỳ về cải cách hành chính nhà nước; xây dựng các chuyên mục thích hợp để tuyên truyền về cải cách hành chính trên hệ thống truyền thanh. Trong quý I, hệ thống truyền thanh đã phát sóng 10 tin, 02 bài về cải cách hành chính.

Cổng thông tin điện tử thị trấn tiếp nhận và đưa 05 tin bài tuyên truyền về cải cách hành chính. Duy trì cập nhật các văn bản và thông tin đăng tải lên chuyên mục: “Chuyển đổi số; Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công bố công khai thông tin; thông tin cần biết,...”. Thường xuyên đăng tải, cập nhật, công khai văn bản thủ tục hành chính phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin của người dân. Thực hiện đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân thị trấn trên Trang văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh nhằm phục vụ tốt nhu cầu nắm bắt thông tin của người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục và thẩm quyền đối với từng loại văn bản theo quy định của pháp luật; chất lượng văn bản được ban hành được nâng lên, góp phần nâng cao công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành ở địa phương.

Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân thị trấn chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và kiểm tra công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan theo Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ, qua công tác tự kiểm tra không phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật cần phải xử lý.

Tập trung chỉ đạo thường xuyên đổi mới công tác tự kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và đồng

bộ các văn bản pháp luật của cấp trên; tiến hành tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND ban hành.

1.3. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

Để đảm bảo thực hiện tốt việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 23/01/2025 về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 trên địa bàn thị trấn.

Đồng thời thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật hiện hành. Thực hiện tốt việc kiểm tra theo thẩm quyền về việc triển khai ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân thị trấn triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính đầy đủ trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Thường xuyên đôn đốc thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trên cơ sở Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Ủy ban nhân dân thị trấn đang xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn thị trấn. Qua đó, rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân nhằm cắt bớt các bước trung gian không cần thiết, các điều kiện kinh doanh chồng chéo, không định lượng được để minh bạch trong kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xét duyệt; các hoạt động kiểm tra chuyên ngành còn chồng chéo, có sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân thị trấn đang triển khai, tiến hành rà soát theo Kế hoạch việc thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định của

Chính phủ. Việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính được thực hiện đảm bảo đầy đủ, đúng quy định. Ủy ban nhân dân thị trấn giao Bộ phận một cửa thực hiện các quyết định công bố thủ tục hành chính.

b) Về công khai thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân thị trấn đã chỉ đạo Bộ phận một cửa thị trấn thực hiện niêm yết đầy đủ danh mục thủ tục hành chính theo đúng quy định. Mặt khác, chỉ đạo Bộ phận một cửa thị trấn thực hiện niêm yết công khai theo quy định (trực tiếp, trực tuyến), việc niêm yết thủ tục hành chính phải đầy đủ các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính bao gồm mẫu đơn và tờ khai (được xuất từ Cổng dịch vụ công quốc gia) ngay sau khi quyết định được công bố và triển khai; đồng thời, phối hợp với Phòng Văn hóa thường xuyên cập nhật thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Song song đó, Cổng thông tin điện tử của thị trấn thực hiện liên kết đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, huyện để thực hiện niêm yết đầy đủ (100% TTHC) trên cổng dịch vụ công trực tuyến và liên kết từ các kênh mạng xã hội (Zalo, Facebook,...) của các đơn vị, địa phương.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại UBND thị trấn: 150/164 TTHC đạt 91,46%.

- Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp: 02 TTHC (Quyết định số 1012/QĐ-UBND).

- Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền: 04 TTHC (Quyết định số 3012/QĐ-UBND).

d) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Cấp xã: Giải quyết đúng hạn 1.561/1.561 hồ sơ (đạt 100%).

đ) Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

Địa phương thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định. Trong quý 1 năm 2025, UBND thị trấn không có trường hợp nào trễ hạn.

e) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thị trấn

Trong kỳ báo cáo, thị trấn không nhận được phản ánh kiến nghị từ người dân đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Triển khai thực hiện đúng tiến độ việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ

thống chính trị trong huyện theo Kế hoạch số 210-KH/TU ngày 23/12/2024 của ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 143-KH/HU ngày 27/12/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Việc quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đảm bảo không vượt quá số lượng theo quy định.

Ủy ban nhân dân thị trấn đã triển khai thực hiện tốt quy chế làm việc của cơ quan. Thực hiện nghiêm túc các nội dung được phân cấp, phân quyền trong quản lý hành chính nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện việc bố trí công chức theo từng vị trí việc làm phù hợp với bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí. Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức thời gian qua cơ bản đảm bảo theo cơ cấu, phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt.

4.2. Về công chức cấp xã

Tổng số cán bộ, công chức thị trấn được Ủy ban nhân dân huyện giao năm 2025 là 26 người. Trên cơ sở biên chế được giao, thực hiện quy định kiêm nhiệm chức vụ cán bộ theo quy định của Đảng. Đội ngũ cán bộ, công chức thị trấn được chuẩn hóa theo quy định. Tính đến nay, toàn thị trấn có 23/26 cán bộ, công chức và đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức. Việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tiếp nhận công chức bảo đảm công bằng, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện kịp thời, đúng thẩm quyền theo phân cấp. Hầu hết cán bộ, công chức đều chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, công chức việc nâng cao trình độ, năng lực, tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và theo tiêu chuẩn quy định của cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, Ủy ban nhân dân thị trấn chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo

đúng chế độ; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo đúng quy định.

Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP Chính phủ. Tiếp tục duy trì thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, sự nghiệp công lập; ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định về công tác quản lý, sử dụng tài sản công và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công theo đúng quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Nhằm đảm bảo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 27/02/2025 triển khai chuyển đổi số thị trấn Phú Mỹ năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Kết quả, cơ quan được kết nối mạng cục bộ (LAN) và mạng internet cáp quang phục vụ công tác quản lý, điều hành; cơ quan đã xử lý công việc hoàn toàn 100% trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); triển khai sử dụng chứng thư số, chữ ký số; duy trì việc sử dụng hệ thống mail tỉnh An Giang trong các cơ quan, đơn vị và việc sử dụng các phần mềm, ứng dụng số chuyên ngành.

Công tác lập hồ sơ công việc điện tử của công chức; số hóa, lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận một cửa được triển khai thực hiện đúng quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thị trấn. Kết quả, số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 15/12/2024 đến 13/03/2025 là 1.576 hồ sơ. Trong đó: dịch vụ công trực tuyến một phần là 993/993 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%); dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 567/567 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết toàn trình và trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính: 1.560/1.561 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 99,94%).

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Trên cơ sở quyết định công bố và xác nhận hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ. Các cán bộ, công chức thực hiện áp dụng đầy đủ các bước, nội dung công việc được xây dựng trong thủ tục, quy trình đã ban hành trong quá

trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra.

Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng của Ủy ban nhân dân thị trấn thời gian qua thực hiện khá tốt, các quy trình, thủ tục theo hướng rõ ràng, minh bạch đúng thời gian theo quy định của pháp luật, đảm bảo giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho tổ chức, công dân, nâng cao tính phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính luôn được quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ủy ban nhân dân thị trấn; các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính huyện đều được tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính bước đầu mang lại hiệu quả nhất định.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được Ủy ban nhân dân thị trấn quan tâm triển khai thực hiện, hiệu quả, chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được nâng cao.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy. Công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện đúng quy trình và quy định của pháp luật. Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên và đạt chuẩn theo quy định; chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải thiện. Đa số cán bộ, công chức đều chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính phát huy hiệu quả tích cực. Chất lượng dịch vụ công, kể cả trực tiếp và trực tuyến từng bước đi vào nề nếp và thông suốt, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng thời gian. Tiếp nhận và xử lý dứt điểm các phản ánh kiến nghị công dân nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nâng cao chất lượng hành chính công, phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước của các cơ quan được tăng cường, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm văn bản hành chính, phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tình trạng sim không chính chủ, không có tài khoản VNeID vẫn còn nhiều, tài khoản VNeID chưa định danh mức 2, cho nên người dân còn phải đi lại nhiều lần. Mặt khác, việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến yêu cầu người dân phải am hiểu công nghệ, tuy nhiên vẫn còn một số người dân không

sử dụng điện thoại thông minh và chưa am hiểu công nghệ nên việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến chưa mang lại hiệu quả cao.

Số hóa hồ sơ và khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa còn hạn chế, nhiều lúng túng do trang thiết bị ở Bộ phận cửa còn thiếu, chưa đảm ứng yêu cầu phục vụ số lượng hồ sơ cần số hóa; mặt khác, Chưa thực hiện tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính nên tỷ lệ đạt rất thấp: 50/1576 hồ sơ (tỷ lệ đạt: 31,73%).

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đôi lúc bị lỗi, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết và chờ đợi của người dân; Hệ thống liên thông chưa ổn định, đôi lúc chuyển hồ sơ liên thông không thành công và khó khăn trong việc đăng nhập, tiếp nhận hồ sơ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ II NĂM 2025

1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của thị trấn Phú Mỹ năm 2025.

2. Thực hiện báo cáo tự đánh giá, chấm điểm chỉ số Cải cách hành chính năm 2024.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện tốt các quy định của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

4. Tiếp tục rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan. Thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước và Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở Bộ phận một cửa trong việc giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế thấp nhất tình trạng hồ sơ trễ hẹn.

6. Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2025 theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thị trấn; thực hiện tốt việc niêm yết công khai thủ tục hành chính và nội dung, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

7. Duy trì thực hiện tốt công tác quản lý tài chính công, công tác quản lý, sử dụng tài sản công; cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính theo đúng quy định.

8. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả, đổi mới, đa dạng công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính.

9. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan. Thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng kết quả điện tử.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025 trên địa bàn thị trấn. *L. X*

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- Thường trực ĐU, HĐND, UBND thị trấn;
- Các ngành thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lợi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN PHÚ MỸ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 13/3/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn)

Biểu mẫu 1				
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	2	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lấy kể đến thời điểm báo cáo)	%	18.18	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	44	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	8	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
Biểu mẫu 2				
Cải cách thể chế				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
Biểu mẫu 3				
Cải cách thủ tục hành chính				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú

III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	197	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	02	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	04	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	01	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1,561	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1,561	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
Biểu mẫu 4				
Cải cách tổ chức bộ máy				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành ưu tiên thực hiện việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện ưu tiên thực hiện việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	26	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tính gián trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tính gián so với năm 2015	%	0.00%	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tính gián trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tính gián so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lưu kể từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp xã, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc xã, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lưu kể đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lưu kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2025	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	

4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	111	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	111	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100%	
6.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1576	
6.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1576	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100%	
6.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	567	
6.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	567	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	993	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	993	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến	%	96%	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	23	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	7	